# BÀI 2: BÀI HỌC CUỘC SỐNG

##### *(14 tiết)*

##### (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 9 tiết; Viết: 2 tiết;

##### Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

###### YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.

- Nêu được ấn tượng chung về VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm VB.

- Nhận biết được các công dụng của dấu chấm lửng.

- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.

- Biết kể một truyện ngụ ngôn; biết sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước trong khi nói và nghe.

- Yêu thương bạn bè, người thân, biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

- Tuỳ vào điều kiện thực tế của việc dạy học mà số tiết của từng nhóm kĩ năng có thể được linh hoạt điều chỉnh sao cho đảm bảo được mục tiêu.

**TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Mục tiêu:  - Nhận biết được được một số khái niệm như: truyện, truyện đồng thoại, cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật  - Lấy được ví dụ minh họa.  Tổ chức thực hiện: | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  Yêu cầu HS nhắc lại các khái niệm đã học (ở lớp 6) như: đề tài, cốt truyện, sự việc, nhân vật,…  *-* GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: Hãy chọn một truyện và trả lời các câu hỏi sau để nhận biết từng yếu tố:  - *Ai là người kể chuyện trong tác phẩm này? Người kể ấy xuất hiện ở ngôi thứ mấy?*  - *Nếu muốn tóm tắt nội dung câu chuyện, em sẽ dựa vào những sự kiện nào?*  *- Nhân vật chính của truyện là ai? Nêu một vài chi tiết giúp em hiểu đặc điểm của nhân vật đó.*  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS thảo luận theo bàn trả lời các câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. Hướng dẫn HS tìm hiểu các mục từ giải thích các yếu tố thể loại mới xuất hiện trong bài học này: *Tình huống truyện, Không gian - thời gian* trong truyện ngụ ngôn.  - Truyện ngụ ngôn là những truyện bịa đặt có ngụ ý về những bài học; về kinh nghiệm sống, đạo lí.  Nếu như ở các thể loại văn học khác, ngụ ý là ý nghĩa của sự phản ánh thì trong truyện ngụ ngôn nó là đối tượng phản ánh. Bởi vậy, truyện ngụ ngôn mang đậm màu sắc triết lí dân gian. Khi tưởng tượng và hư cấu truyện ngụ ngôn, tác giả dân gian không tập trung trình bày một số phận với nhiều tình tiết rắc rối mà chỉ chú ý khai thác một vài tình tiết liên quan đến một bài học kinh nghiệm nào đó một cách kín đáo, tế nhị. Đó có thể là một bài học về kinh nghiệm ứng xử giữa người với người, một bài học về đạo đức, một ‘bài học về nhận thức…  - Truyện ngụ ngôn phản ánh cuộc đấu tranh xã hội:  Xét trên bề mặt, truyện ngụ ngôn chỉ là truyện của các loài vật, đồ vật. Điều đó đúng nhưng chỉ là đúng về “phần xác” còn thực ra điều quan trọng của thể loại truyện này phải là **“phần hồn”.** Ở phần hồn này, sự ngụ ý kín đáo, bóng gió của tác giả dân gian không chỉ dừng lại ở các bài học về đạo lí hay những kinh nghiệm sống mà còn có cả Sự phản kháng đối với xã hội, đả kích giai cấp thống trị với những thói hống hách, ngang ngược, quyền thế và dạy người ta những kinh nghiệm ứng phó với chúng.  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật:  + Nhân vật truyện ngụ ngôn được lựa chọn một cách tự do, phóng túng, con vật nào cũng được miễn là “khớp” được cái ý tưởng bóng gió xa xôi mà người ta “gá gửi” vào đó. Những nhân vật - con vật ấy có ích hay có hại cho loài người, truyện ngụ ngôn không quan tâm. Điều người ta quan tâm là con vật đó giúp thể hiện được triết lí như thế nào.  + Việc lựa chọn nhân vật chính trong truyện ngụ ngôn xuất phát từ động cơ thiên về phương diện lí trí hơn là tình cảm, ở đây những thao tác của tư duy hoạt động mạnh hơn sự rung động của trái tim - đọc truyện ngụ ngôn ta phải suy nghĩ nhiều hơn.  + Truyện ngụ ngôn thực hiện chức năng mượn con vật làm cái vỏ để bọc kín cái ý, cái triết lí cần “gá gửi”. Vì vậy nội dung hình tượng nhân vật, phần cốt lõi không phải là miêu tả đặc điểm con vật mà là bài học suy lí, triết lí mà truyện muốn “gá gửi”.  - Xung đột trong truyện ngụ ngôn:  + Xung đột về triết lí ứng xử, về lí lẽ hành động của nhân vật, mọi hành động của nhân vật trong truyện ngụ ngôn đều không hề cảm tính mà tất cả đều có lí lẽ, có “tính quan niệm”.  + Xung đột trong truyện ngụ ngôn phản ánh xung đột xã hội (xung đột giữa người bị áp bức với kẻ áp bức, giữa đúng với sai, chân lí với nguy lí, tốt với xấu trong xã hội…).  - Kết cấu truyện ngụ ngôn:  Do tính chất ngụ ỷ, truyền miệng nên hầu hết truyện ngụ ngôn đều ngắn, ít tình tiết, ít nhân vật, trừ một số truyện bằng thơ, cốt truyện là một trục thẳng, ít rẽ ngang tắt hay đảo ngược. Truyện thường có hai lớp nghĩa: nghĩa hiển ngôn và nghĩa hàm ngôn. Nghĩa hiển ngôn là câu chuyện được kể, đây là lớp nghĩa nổi hay còn gọi là “phần xác”. Nghĩa hàm ngôn là phần bài học kinh nghiệm, những điều răn dạy, đây là lớp nghĩa chìm hay còn gọi là “phần hồn”, nghĩa này phải suy nghĩ mới nhận ra được.  - Biện pháp nghệ thuật:  Truyện ngụ ngôn thường mượn vật để nói người, dùng đặc điểm, tính cách, hành động của các con vật hoặc cỏ cây hoa lá để bóng gió chuyện con người, kín đáo nêu lên bài học nào đó cho con người. Do vậy, biện pháp nghệ thuật mà truyện ngụ ngôn sử dụng là nghệ thuật ẩn dụ. Đó là hình thức ẩn dụ để ám chỉ tính cách, hành động của con người. Chính nhờ có hình thức ẩn dụ này mà các con vật, loài vật, các bộ phận của cơ thể người hiện lên sống động, gần gũi và hấp dẫn hơn. | **Truyện** là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.  **Truyện ngụ ngôn** là những truyện kể ngắn gọn, hàm súc, bằng văn xuôi hoặc văn vần. Truyện thường đưa ra bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người trong cuộc sống.  ***Đề tài trong truyện ngụ ngôn*:** thường là những vấn đề đạo đức hay những cách ứng xử trong cuộc sống.  **Sự kiện** (hay sự việc) là yếu tố quan trọng góp phần làm nên câu chuyện. Trong truyện ngụ ngôn, một câu chuyện thường xoay quanh một sự kiện chính. Chẳng hạn, ở truyện *Thỏ và rùa*, sự kiện chính là cuộc chạy thi giữa hai nhân vật thỏ và rùa.  **Cốt truyện**: là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc.  ***Cốt truyện của truyện ngụ ngôn:*** thường xoay quanh một sự kiện (một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm…) nhằm đưa ra bài học hay lời khuyên nào đó.  **Nhân vật:** là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,... được nhà văn khắc họa trong tác phẩm. Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,...  ***Nhân vật trong truyện ngụ ngôn*** có thể là loài vật, đồ vật hoặc con người. Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thưởng được người kể chuyện gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, sói, cừu, cây sậy, thầy bói, bác nông dân,... Từ suy nghĩ, hành động, lời nói của nhân vật ngụ ngôn, người nghe, người đọc có thể rút ra những bài học sâu sắc.  **Người kể chuyện:** là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện:  + Ngôi thứ nhất;  + Ngôi thứ ba.  **Lời người kể chuyện** đảm nhận việc thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cả việc thuật lại mọi hoạt động của nhân vật vả miêu tả bối cảnh không gian, thời gian của các sự việc, hoạt động ấy.  **Lời nhân vật** là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trình bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kể chuyện.  ***Tình huống truyện*** là tình thế làm nảy sinh câu chuyện khiến nhân vật bộc lộ đặc điểm, tính cách của mình. Qua đó, ý nghĩa của câu chuyện được khơi sâu. Chẳng hạn, tình huống truyện trong *Thỏ và rùa* là cuộc chạy đua giữa hai con vật và kết quả có tính bất ngờ, làm lộ rõ đặc điểm của mỗi nhân vật và bài học từ câu chuyện.  ***Không gian trong truyện ngụ ngôn*** là khung cảnh, môi trường hoạt động của nhân vật ngụ ngôn, nơi xảy ra sự kiện, câu chuyện (một khu chợ, một giếng nước, một khu rừng,...)  ***Thời gian trong truyện ngụ ngôn*** là một thời điểm, khoảnh khắc nào đó mà sự việc, câu chuyện xảy ra, thường không xác định cụ thể. |

**Hoạt động 3: Luyện tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| Mục tiêu:  - Giúp HS khắc sâu tri thức chung cho bài học.  Tổ chức thực hiện: | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Hướng dẫn HS lập bảng so sánh nhanh giữa các yếu tố chung của truyện đã học với các yếu tố gắn với đặc điểm riêng của thể loại ngụ ngôn.  Em đã đọc các câu chuyện nào trong chủ đề *Bài học cuộc sống*, hãy chỉ ra một số đặc điểm của truyện đồng thoại trong câu chuyện đó? Em ấn tượng với chi tiết miêu tả nào về nhân vật?  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. | Chia sẻ của HS điền kết quả vào phiếu học tập.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố** | **Trong truyện nói chung** | **Trong truyện ngụ ngôn** | | *Đề tài* |  |  | | *Cốt truyện* |  |  | | *Sự kiện/ sự việc* |  |  | | *Nhân vật* |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố** | **Trong cổ tích/ truyền thuyết** | **Trong truyện ngụ ngôn** | | *Đề tài* |  |  | | *Cốt truyện* |  |  | | *Sự kiện/ sự việc* |  |  | | *Nhân vật* |  |  | |

**Hoạt động 4: Vận dụng.**

|  |  |
| --- | --- |
| Mục tiêu:  - Giúp HS vận dụng kiến thức trong phần tri thức văn học để chuẩn bị cho các bài học trong chủ đề.  Tổ chức thực hiện: | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Kể tên các VB cần chuẩn bị cho tiết học tiếp theo. Em cần chú ý điều gì khi đọc các VB truyện ấy.  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. | Chú ý đến nhân vật và các chi tiết miêu tả nhân vật, đối thoại của nhân vật. |

**4. Củng cố.**

- GV hệ thống lại bài học.

**5. Hướng dẫn về nhà.**

- Học bài, hoàn thành bài tập.

- Soạn: ***Tiết 2.3. Những cái nhìn hạn hẹp, Ếch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi***

# ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**TIẾT…: VĂN BẢN 1. NHỮNG CÁI NHÌN HẠN HẸP**

*(Trần Hữu Thung)*

###### I. MỤC TIÊU

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

– Nhận biết các yếu tố thể hiện đặc điểm của truyện ngụ ngôn như: đề tài, nhân vật, sự kiện, cốt truyện, tình huống, không gian, thời gian.

– Nhận biết được sự kết hợp giữa lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong truyện.

– Rút ra được bài học của truyện và nêu được nhận xét về ý nghĩa, tác dụng của bài học ấy đối với người đọc, người nghe.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *những cái nhìn hạn hẹp:* *Ếch ngồi đáy giếng, thầy bói xem voi;*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *những cái nhìn hạn hẹp*;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

- Năng lực theo dõi, dự đoán, suy luận.

**3. Phẩm chất:**

- Rút ra được bài học cho bản thân từ thông điệp của văn bản;

###### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về tác phẩm

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

###### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**2. Nội dung:** GV đưa ra cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề thông qua trò chơi giải ô chữ.

**3. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho HS Tìm ô chữ hàng dọc bằng cách trả lời các câu hỏi trong ô chữ hàng ngang. Mỗi ô chữ hàng ngang sẽ chứa một từ khóa.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.*

*- Từ đáp án của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Ngụ ngôn là một thể loại của văn học giáo huấn, mang nội dung đạo đức, giáo dục có hình thức thơ hoặc văn xuôi tương đối ngắn, sử dụng phúng dụ như một nguyên tắc tổ chức tác phẩm. Như vậy văn bản 1 “Những cái nhìn hạn hẹp thông qua hai truyện: Ếch ngồi đáy giếng, thầy bói xem voi”* gửi gắm một thông điệp đến với chúng ta. Để hiểu về thông điệp của văn bản này, cô và cả lớp sẽ cùng đi vào tìm hiểu nhé.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**1. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

**2. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**3. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** | | |
| **N1: Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Xác định thể loại văn bản.  Đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, tóm tắt ngắn gọn qua phiếu học tập.  **- GV yêu cầu hs đọc văn bản**  \* khi đọc hết đoạn 1 cho hs dừng lại trả lời câu hỏi suy luận trong SGK | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác phẩm**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Thể loại | Đề tài | Tình huống | Cốt truyện | Nhân vật | Tóm tắt | | Ếch ngồi đáy giếng |  |  |  |  |  |  | | Thầy bói xem voi |  |  |  |  |  |  | | | |
| **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thành những yêu cầu trong phiếu học tập chuẩn bị trình bày trước lớp.  - HS đọc bài trước lớp.   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Thể loại | Đề tài | Tình huống | Bố cục | Ấn tượng nhân vật | Tóm tắt | | Ếch ngồi đáy giếng | Truyện ngụ ngôn | những bài học về cách nhìn sự vật. | Bị nước đẩy lên mặt đất con ếch lâu năm “ngồi đáy giếng” vẫn quen thói nhâng nháo tự phụ, xem bầu trời là cái vung và bản thân là chúa tể nên đã bị một con trâu dẫm chết (bộc lộ tác hại của sự ngộ nhận về bản thân). |  |  | Một con ếch sống dưới đáy giếng nhìn bầu trời trên cao, tưởng trời chỉ là cái vung. Đã thế, mỗi khi cất tiếng kêu, thấy các con vật bé nhỏ xung quanh đều khiếp sợ, ếch ta tưởng mình là chúa tể thế giới. Lên mặt đất, ếch ta quen thói, vẫn nhâng nháo, nghênh ngang và bị một con trâu dẫm chết. | | Thầy bói xem voi | Truyện ngụ ngôn | những bài học về cách nhìn sự vật. | Năm ông thầy bói mù rủ nhau “xem voi”; mỗi ông chỉ sờ được một phần cơ thể con voi, nhưng ai cũng tin chỉ có mình miêu tả đúng về con voi dẫn đến xô xát, đánh nhau (bộc lộ tác hại của lối nhận thức phiến diện về sự vật). |  |  | Năm ôm thầy bói mù góp tiền cho người quản tượng xem voi. Mỗi ông chỉ sờ được một bộ phận của con voi rồi đưa ra kết luận của mình. Ông sờ vòi ví con voi với “con đỉa”; ông sờ ngà ví con voi với “cái đòn càn”; ông sờ tai ví con voi với “cái quạt thóc”; ông sờ chân ví con voi với “cái cột đình”; ông sờ đuôi ví con voi “cái chổi sể”. Không ai chịu ai dẫn đến xô xát, đánh nhau toác đầu chảy máu. | | | | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. | | - HS trình bày sản phẩm thảo luận | |
| **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập.  - GV giải thích nghĩa của một số từ khó trong VB.  Quản voi (quản tượng): người trông nom và điều khiển voi.  Sun Sun: co lại, chun lại thành các nếp.  Đòn càn: đòn làm bằng đoạn tre nguyên cả ống, đẽo vát hai đầu cho thon lại để xóc những bó củi, rơm rạ... ma gánh.  Quạt thóc: loại quạt lớn bằng tre phất vải, dùng để quạt cho thóc lép và bụi bay đi, tách khỏi thóc chắc.  Tua tủa: từ gợi tả dáng chỉa ra không đều của nhiều vật cứng, nhọn, gây cảm giác ghê sợ.  Chổi xể: chổi quét sân, thưởng làm bằng nhánh cây thanh hao.  Giới thiệu thêm cho hs trên thế giới có 2 tác giả rất nổi tiếng cho những câu truyện ngụ ngôn đó là: Aesop và La Fontaine để hs tham khảo đọc. | | **3. Giải nghĩa từ khó**  Quản voi (quản tượng): người trông nom và điều khiển voi.  Sun Sun: co lại, chun lại thành các nếp.  Đòn càn: đòn làm bằng đoạn tre nguyên cả ống, đẽo vát hai đầu cho thon lại để xóc những bó củi, rơm rạ... ma gánh.  Quạt thóc: loại quạt lớn bằng tre phất vải, dùng để quạt cho thóc lép và bụi bay đi, tách khỏi thóc chắc.  Tua tủa: từ gợi tả dáng chỉa ra không đều của nhiều vật cứng, nhọn, gây cảm giác ghê sợ.  Chổi xể: chổi quét sân, thưởng làm bằng nhánh cây thanh hao. | |
| **NV2:** *tìm hiểu văn bản “Ếch ngồi đáy giếng”*  **Hoạt động 1:**  **1. Ếch khi ở trong giếng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập: | | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Ếch khi ở trong giếng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Không gian sống** | **Hành động, thái độ** | **Suy nghĩ** | | … | … | …. | | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Không gian sống** | **Hành động, thái độ** | **Suy nghĩ** | | + trong giếng  + chỉ có vài con vật bé nhỏ: nhái, cua, ếch | + kêu ồm ộp -> mọi vật hoảng sợ  + oai như 1 vị chúa tể | Tưởng trời bé bằng cái vung | | nhỏ bé, chật hẹp, tối tăm, cách biệt với cuộc sống bên ngoài | Huênh hoang, kiêu ngạo | Nông cạn, sai lệch | | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. | | Hs trình bày kết quả trên phiếu học tập | |
| **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập.  Môi trường hạn hẹp dễ khiến người ta kiêu ngạo, không biết thực chất về mình.  🡪tầm nhìn, sự hiểu biết nông cạn.  ***Bài học:*** sống hòa nhã, thân thiện, yêu thương mọi người, không nên tự đề cao bản thân mình | | Môi trường hạn hẹp dễ khiến người ta kiêu ngạo, không biết thực chất về mình.  🡪 tầm nhìn, sự hiểu biết nông cạn.  🡪 bài học: sống hòa nhã, thân thiện, yêu thương mọi người, không nên tự đề cao bản thân mình | |
| **Hoạt động 2. Ếch khi ra ngoài giếng**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu hs thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập: | | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **2. Ếch khi ra ngoài giếng**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ếch khi ra ngoài giếng | | | | Nguyên nhân | Không gian sống | Hành động thái độ | | ………. | ……….. | ………. | | Nhận định:…  Bài học bản thân: … | | | | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các cặp đôi thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. | |  | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các cặp đôi trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ếch khi ra ngoài giếng | | | | Nguyên nhân | Không gian sống | Hành động thái độ | | Mưa to, nước dềnh lên, ếch ra ngoài | Môi trường sống thay đổi, rộng lớn, vô tận | - Nghênh ngang đi lại khắp nơi, kêu ồm ộp, nhâng nháo.  - Chẳng thèm để ý đến xung quanh | | Nhận định của em: Kiêu căng, tự đắc, khinh thường xung quanh.  Bài học bản thân:  - Hoàn cảnh sống hạn hẹp sẽ ảnh hưởng đến nhận thức về chính mình và thế giới xung quanh.  - Phải nhận ra hạn chế của mình  - Phải khiêm tốn không được chủ quan, kiêu ngạo  - Luôn học hỏi mở rộng tầm hiểu biết của mình bằng mọi hình thức. | | | | |
| **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập.  Ý nghĩa:  - Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp.  - Không chủ quan kiêu ngạo  - Phải mở rộng tầm hiểu biết  Bài học:  - Hoàn cảnh sống hạn hẹp sẽ ảnh hưởng đến nhận thức về chính mình và thế giới xung quanh.  - Phải nhận ra hạn chế của mình  - Phải khiêm tốn không được chủ quan, kiêu ngạo  - Luôn học hỏi mở rộng tầm hiểu biết của mình bằng mọi hình thức. | |  | |
| **NV2: Văn bản thầy bói xem voi**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập: | | **II. Tìm hiểu chi tiết**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Cuộc xem voi của năm ông thầy bói | | | | |  | | Hoàn cảnh | Cách xem | Cách phán về con voi | Thái độ khi phán | Kết quả | Bài học rút ra | | … | … | … | … | … | … | | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. | |  | |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Cuộc xem voi của năm ông thầy bói | | | | |  | | Hoàn cảnh | Cách xem | Cách phán về con voi | Thái độ khi phán | Kết quả | Bài học rút ra | | Một buổi ế hang, các thầy phàn nàn không biết hình thù con voi thế nào?  - Chung tiền biếu người quản voi, xin cho voi đứng lại để cùng xem. | Dùng tay để sờ (vì các thầy đều bị mù  - mỗi thầy chỉ sờ được một bộ phận của con voi (vòi, ngà, tai, chân đuôi) và tưởng đó là toàn bộ con voi). | + Thầy thì sờ vòi: *sun sun* như *con đỉa*  + Thầy thì sờ ngà:  *chần chẫn* như *cái đòn càn*  + Thầy thì sờ tai:  *bè bè* như *cái quạt thóc.*  + Thầy thì sờ chân  *sừng sững* như *cái cột đình*  + Thầy thì sờ đuôi  *tun tủn* như *cái chổi sể cùn* | + Tưởng … thế nào... hoá ra...  + Không phải,...  + Đâu có!...  + Ai bảo!...  + Các thầy nói không đúng cả! Chính nó...  Khẳng định chỉ có mình đúng, phủ nhận ý kiến của người khác.  => Thái độ chủ quan sai lầm. | “Cả năm thầy không ai chịu ai thành ra xô xát, đánh nhau toác đầu, chảy máu.” | => Lắng nghe ý kiến của người khác và xem lại ý kiến của mình, không nên chủ quan, tự tin quá mức trở thành bảo thủ | | | | |
| **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập. | | | |
| **NV3: Nhận thức về những cái nhìn hạn hẹp qua 2 truyện: Ếch ngồi đáy giếng; Thầy bói xem voi**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: hs điền từ còn thiếu vào dấu …** | | | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. | | |  |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời hs trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. | | | |
| **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập. | | |  |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** hs hoàn thành phiếu học tập sau | | | **TỔNG KẾT**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Nghệ thuật | Nội dung | Ý nghĩa | Bài học | | ếch ngồi đáy giếng | … | …. | … | … | | Thầy bói xem voi | … | … | … | … | |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. | | |  |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời hs trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. | | | |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Nghệ thuật | Nội dung | Ý nghĩa | Bài học | | ếch ngồi đáy giếng | - Xây dựng hình tượng gần gũi với đời sống  - Cách nói ngụ ngôn, cách giáo huấn tự nhiên, đặc sắc  - Cách kể bất ngờ, thú vị | - Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp nhưng huyênh hoang.  - Khuyên nhủ người ta phải biết mở rộng tầm hiểu biết, không được chủ quan, kiêu ngạo.  Phải biết quan sát thế giới xung quanh, mở rộng tầm hiểu biết, chớ chủ quan, kiêu ngạo | - Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp.  - Không chủ quan kiêu ngạo  - Phải mở rộng tầm hiểu biết | - Hoàn cảnh sống hạn hẹp sẽ ảnh hưởng đến nhận thức về chính mình và thế giới xung quanh.  - Phải nhận ra hạn chế của mình  - Phải khiêm tốn không được chủ quan, kiêu ngạo  - Luôn học hỏi mở rộng tầm hiểu biết của mình bằng mọi hình thức. | | Thầy bói xem voi | - Cách giáo huấn bóng gió, tự nhiên mà vẫn sâu sắc.  - Phóng đại, lặp lại các sự việc.  - Xây dựng hội thoại sinh động hài hước. | Từ câu chuyện chế giễu cách xem voi và phán về voi của năm ông thầy bói, truyện "Thầy bói xem voi" khuyên người ta: muốn hiểu biết sự vật, sự việc phải xem xét chung một cách toàn diện. | - Khi chưa chắc về ý kiến, suy nghĩ, nhận định của bản thân thì đừng bao giờ chắc chắn, một mực kết quả của mình là đúng  - Phải xem xét vấn đề ở mọi khía cạnh một cách toàn diện, có chiều sâu.  - Sự nông cạn, hời hợt, thiếu chín chắn, thực tế đều dẫn đến kết luận sai lầm, lệch lạc | - Muốn kết luận đúng một sự vật, hiện tượng, phải xem xét nó một cách toàn diện.  - Phải có cách xem xét sự vật phù hợp với sự vật đó và phù hợp với mục đích xem xét.  - Biết lắng nghe ý kiến của người khác, không giải quyết vấn đề bằng vũ lực. | |
| **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập. | | |  |
| **Hoạt động 4: luyện tập**  Mục tiêu:  - Giúp HS khắc sâu tri thức chung cho bài học.  Tổ chức thực hiện: | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai truyện “Ếch ngồi đáy giếng” và “Thầy bói xem voi”? | | | **Hs điền câu trả lời vào phiếu học tập** |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. | | |  |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời hs trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. | | | |
| **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức những yêu cầu trong phiếu học tập. | | |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng.**

|  |  |
| --- | --- |
| Mục tiêu:  - Giúp HS vận dụng kiến thức trong phần tri thức văn học để chuẩn bị cho các bài học trong chủ đề.  Tổ chức thực hiện: | |
| Hoạt động của GV và HS | Dự kiến sản phẩm. |
| ***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  - Kể tên các thành ngữ mà em biết qua các câu chuyện ngụ ngôn đã học?  ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***  HS làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi.  ***Bước 3: Báo cáo, thảo luận:***  HS báo cáo kết quả, nhận xét.  ***Bước 4: Kết luận, nhận định.***  GV chốt và mở rộng kiến thức. | - Ăn ốc nói mò  - Khôn nhà dại chợ  - Thùng rỗng kêu to  - Coi trời bằng vung  - chín người mười ý  - Cãi chày cãi Cối  - Trong nhà nhất mẹ nhì con, ra đường lắm kẻ còn giòn hơn ta. |

**5. Củng cố, hướng dẫn về nhà.**

- GV hệ thống lại bài học.

- Học bài, hoàn thành bài tập.

- Soạn: ***văn bản 2. Những tình huống hiểm nghèo***

**Đọc văn bản 3, 4: NHỮNG TÌNH HUỐNG HIỂM NGHÈO**

**hai người bạn đồng hành và con gấu,**

**chó sói và chiêm con**

**Hoạt động 3.1: Chuẩn bị đọc.**

**a.Mục tiêu:**

- Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến chủ đề VB, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB.

- Bước đầu dự đoán được nội dung của VB.

- Tạo tâm thế trước khi đọc VB.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời miệng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  (1) *Gv trình chiếu hình ảnh và hỏi học sinh: Theo em một người bạn tốt cần có những đức tính gì? Trong trường hợp nào thì một người được xem là kẻ mạnh?* | - Học sinh chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ về câu hỏi |
| Lý thuyết Tiếng Việt lớp 1 Tập đọc: Người bạn tốt (Chi tiết nhất) | |
| (2) Dựa vào nhan đề “Những tình huống hiểm nghèo” và hình ảnh minh họa của VB (SGK/tr.36), em đoán xem VB viết về điều gì. Vì sao em có thể dự đoán như vậy?  - Đã bao giờ trong cuộc sống các em đã vô tình gặp phải một tình huống trớ trêu, hiểm nghèo chưa? Hãy chia sẻ với bạn.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Gv quan sát, hỗ trợ, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại một số cảm xúc, trải nghiệm của Hs ở câu hỏi “Đã bao giờ trong cuộc sống các em đã vô tình gặp phải một tình huống trớ trêu, hiểm nghèo chưa?” và dẫn dắt vào bài học |  |

**Hoạt động 3.2: Trải nghiệm cùng văn bản**

**a. Mục tiêu**

- Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những bài trước như suy luận, dự đoán trong quá trình đọc trực tiếp VB.

- Bước đầu vận dụng kĩ năng liên hệ trong quá trình đọc VB.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần Trải nghiệm cùng văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV 1: Hướng dẫn hs đọc, tìm hiểu chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS về chiến lược đọc theo dõi và suy luận (các hộp chỉ dẫn)*  *+ Giới thiệu tác giả, tác phẩm*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  **-NV2: Tìm hiểu về Tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Đ*ại diện các nhóm (3 nhóm) lên báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức bằng Infographic | **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, biết cách đọc to, trôi chảy, phù hợp về tốc độ đọc  - Trả lời được các câu hỏi dự đoán, suy luận  **2. Chú thích**  - Đương  - Chó sói  - Chiên con  **3. Tác giả, tác phẩm**  ***a. Tác giả***  - Ê-dốp (Aesop)  - La Phông-ten (La Fontaine)  ***b. Tác phẩm***  ***\*Hai người bạn đồng hành và con gấu***  - In trong truyện ngụ ngôn Ê-dốp (2013)  - Thể loại: truyện ngụ ngôn.  - Hình thức: Văn xuôi  ***\* Chó sói và chiên con***  - In trong ngụ ngôn chọn lọc La Phông-ten (1985)  - Thể loại: truyện ngụ ngôn  - Hình thức: Văn vần |

**Hoạt động 3.3: Suy ngẫm và phản hồi**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm..

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.

- Giúp HS hình thành những phẩm chất tốt đẹp: Yêu thương bạn bè, người thân; biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về cốt truyện**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Theo em, sự kiện là gì?*  *+ Sắp xếp các sự kiện trong truyện theo trình tự hợp lý và xác định mối quan hệ giữa các sự kiện đó.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV2: Tìm hiểu đặc điểm thể loại**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  GV phát PHT số 1   |  | | --- | |  |     PHT số 2:     |  | | --- | |  |   PHT số 3:   |  | | --- | |  |   PHT số 4:   |  | | --- | | *1. Em có nhận xét gì về nhân vật chó sói và chiên con?*  *2. Qua sự đối lập giữa hai nhân vật đó, em có suy nghĩ như thế nào về xã hội hiện nay?*  *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………….* |     **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS đó trao đổi, thống nhất  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 1 nhóm cáo cáo sản phẩm, nhóm còn còn lại nhận xét, bổ sung  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Tìm hiểu nhân vật chó sói và chiên con**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv phát PHT số 4, Hs thảo luận theo nhóm 4-6 học sinh*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS đó trao đổi, thống nhất  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 1 nhóm cáo cáo sản phẩm, nhóm còn còn lại nhận xét, bổ sung  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về đề tài, chủ đề**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Em hãy nhắc lại khái niệm đề tài và chủ đề?*  *+ Theo em, truyện Hai người bạn đồng hành và con gấu viết về đề tài nào?*  *+ Theo em, truyện Chó sói và chiên con viết về đề tài nào?*  *+ Qua văn bản trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS đó trao đổi, thống nhất  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 1 nhóm cáo cáo sản phẩm, nhóm còn còn lại nhận xét, bổ sung  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***1. Tóm tắt văn bản***  ***\*Hai người bạn đồng hành và con gấu***  - (a) Gấu đến gần người đi sau rồi bỏ đi vì nghĩ anh ta đã chết.  - (b) Người vừa thoát chết dạy cho anh bạn kia một bài học: “không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn”.  - (c) Hai người bạn đang đi trong rừng thì gặp một chú gấu nhào ra vồ.  - (d) Người đi trước túm được cành cây và ẩn mình trong đám lá, người kia không biết trông cậy vào đâu nên nằm bẹp xuống đất  🡪 (c) – (d) – (a) – (b)  ***\*Chó sói và chiên con***  - (a) “Chẳng cầu đôi co”, sói tóm cổ chiên lôi vào rừng ăn thịt.  - (b) Chiên con đang uống nước suối thì bất ngờ chó sói xuất hiện, kiếm cớ hạch sách để ăn thịt chiên.  - (c) Sói kết tội chiên nói xấu năm ngoái; câu trả lời của chiên cho thấy lời kết tội của sói là vu khống, bịa đặt.  - (d) Sói kết tội anh trai chiên đã nói xấu sói; câu trả lời của chiên cho thấy lời kết tội của sói là bịa đặt. Và sau đó sói càng kết tội chiên, mức độ bịa đặt càng cao.  - (e) Sói kết tội chiên làm đục nước; câu trả lời của chiên cho thấy lời kết tội của sói là vô lí.  🡪 (b) – (e) – (c) – (d) – (a)  ***2. Tìm hiểu đặc điểm thể loại***  ***a. Thời gian, không gian***  **\* Không gian**  - Hai người bạn đồng hành và con gấu:  Con đường, khu rừng, …  - Chó sói và chiên con: Con suối, nguồn nước sinh hoạt chung, …  🡪 không gian tiêu biểu, quen thuộc của truyện của truyện ngụ ngôn => hướng đến một bài học chung cho mọi người.  **\* Thời gian**  - Không được nhắc đến cụ thể => gia tăng tính phổ quát cho bài học.  ***b. Tình huống truyện***  **\* Hai người bạn đồng hành và con gấu**  - Hai người bạn đi trong rừng thì một chủ gấu nhảy ra vồ. Người bạn đi trước đã bỏ mặc người còn lại để chạy thoát thân.  🡪 Thể hiện bản chất vì mạng sống mà bỏ mặc bạn bè.  🡪 Làm cho bài học từ câu chuyện trở nên sáng rõ, thấm thía.  ***\* Chó sói và chiên con***  - Chiên con đang uống nước bên bờ suối thì gặp một con sói đói đang lảng vảng gần đó. Con sói đã vặn vẹo, hạch sách chiên con để có cớ ăn thịt.  🡪 Thể hiện bản chất tàn ác, hành xử bất công của nhân vật chó sói.  🡪 Làm cho bài học từ câu chuyện trở nên sáng rõ, thấm thía.  ***c. Sự kiện***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Diễn biến** | **Lời chó sói** | **Lời chiên con** | **Nhận xét** | | 1 | Sao dám làm đục nguồn nước uống của mình? | Chiên đang ở phía cuối dòng không thể làm đục nước phía cuối dầu dòng. | Đối đáp cho thấy lời kết tội của sói là vô lí, chiên con vô tội. | | 2 | Sao dám nói xấu sói năm ngoái? | Năm ngoái chiên chưa ra đời. | Đối đáp cho thấy lời kết tội của sói là bịa đặt. | | 3 | Anh của chiên đã nói xấu sói. | Chiên không có anh. | Đối đáp cho thấy lời kết tội của sói là vu khống. | | 4 | Kẻ nào thuộc giống nhà chiên, giống chó, going người, … đã xấu sói. | (lập tức bị sói lôi vào rừng ăn thịt, “chẳng cầu đôi co”.) | Lời kết tội vu vơ cuối cùng đã phơi bày dã tâm, bản chất của sói. |   ***d. Nhân vật***  ***\* Chó sói:***  - Chó sói là hiện thân cho “kẻ mạnh”, kẻ bạo tàn; để thoã mãn nhu cầu (cơn đói) của mình, hắn sẵn sàng bịa đặt, vu khống, bắt nạt, giết hại kẻ yếu.  🡪 Trong trường hợp này, chân lí thuộc về kẻ mạnh => “kẻ mạnh cái lẽ vốn già” thực ra để nói sẽ không có lẽ phải, đạo lí nào cả.  \* ***Chiên con:***  - Chiên con là hiện thân cho sự vô tội, sự thật, lẽ phải nhưng là kẻ yếu, bị kẻ mạnh ức hiếp, vùi dập, hãm hại.  🡺 Sự đối lập giữa hai nhân vật khiến người nghe, người đọc bất bình, căm ghét cái xã hội mà ở đó kẻ mạnh hiện thân cho cái ác hoành hành.  **3. Đề tài và bài học**  - Hai người bạn đồng hành và con gấu: Tình bạn, tình người  🡪 Trong cuộc sống, chúng ta “Không nên tin vào những kẻ bỏ mặc bạn bè trong cơn hoạn nạn”.  - Chó sói và chiên con: Kẻ mạnh và chân lí  🡪 Hãy coi chừng và cảnh giác, “kẻ mạnh” thường chà đạp lên chân lí, đạo lí một cách tàn bạo, bất công |

**Hoạt động 2.4: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Hãy tóm tắt nội dung và ý nghĩa của văn bản?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản? Các sự kiện trong văn bản giúp em hiểu đặc điểm nào của truyện ngụ ngôn?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  - Truyện ngụ ngôn luôn mang đến cho chúng ta những bài học bổ ích và ý nghĩa.  - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.  ***2. Nghệ thuật***  - Kết hợp kể chuyện và biểu cảm |

**Hoạt động 2.5: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b.Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.*  **Câu 1:** Văn bản “Hai người bạn đồng hành và con gấu” và “Chó sói và chiêm con” thuộc thể loại truyện nào?   1. Cổ tích. 2. Truyền thuyết. 3. Cười. 4. **Ngụ ngôn.**   **Câu 2: Sự đối lập giữa hai nhân vật chó sói và chiên con cho chúng ta suy nghĩ gì?**  A. Khiến người nghe cảm thấyhạnh phúc, vui vẻ.  B. Khiến người nghe càng thêm yêu quý nhân vật chó sói.  **C. Khiến người nghe bất bình, căm ghét cái xã hội mà ở đó kẻ mạnh hiện thân cho cái ác hoành hành**  D. Khiến người nghe căm ghét nhân vật chiên con  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | - Câu 1: D  - Câu 2: C |

**Hoạt động 2.6: VẬN DỤNG (Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV chuyển giao nhiệm vụ*  *Trong hai văn bản Hai người bạn đồng hành và con gấu và Chó sói và chiên con, em thích văn bản nào hơn? Vì sao? Hãy viết một đọan văn (khoảng 5- câu) trình bày cảm nhận về văn bản mà em thấy thú vị.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | *Trong hai văn bản, em thích văn bản “Chó sói và chiên con” hơn vì truyện được viết dưới dạng một bài thơ khiến em cảm thấy dễ cảm nhận hơn. Truyện kể về cuộc đối thoại giữa chó sói và chiên con bên một dòng suối. Qua đó ta thấy rõ tính cách từng nhân vật, sói hiện lên là một kẻ gian manh, độc ác, vô tích sự, thích bắt nạt kẻ yếu. Còn chiên con là một nhân vật vô cùng đáng thương nhưng lại có sự hồn nhiên, đáng yêu và những lí lẽ của riêng mình để đối đáp lại với sói. Mỗi nhân vật với những nét tính cách khác nhau đã góp một phần không nhỏ vào việc thể hiện đề tài của truyện. Truyện ngụ ngôn luôn mang đến cho chúng ta những bài học bổ ích và ý nghĩa nên em rất yêu thích thể loại này!* (Sưu tầm) |

Tuần:…..Tiết:…

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**A. ĐỌC**

**A 4. ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG**

**Thời gian thực hiện: … phút**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Năng lực***

***1.1.******Năng lực chung***

Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

***1.2.******Năng lực đặc thù***

- Nhận biết một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật không gian, thời gian.

***2. Phẩm chất***

- Biết yêu thương bạn bè, người thân.

* Biết ứng xử đúng mực, văn minh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**a. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV.

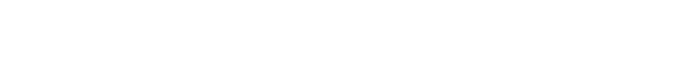
- Máy chiếu, máy tính.

**b. Học liệu:** Ngữ liệu đọc.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà)** | | |
| 1. ***Mục tiêu:***   - Tóm tắt được truyện.  - Nhận biết một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật không gian, thời gian.  - Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.  - Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp.  ***b.Nội dung:*** HS thực hiện phiếu học tập.   |  | | --- | | PHIẾU HỌC TẬP 1  *Tóm tắt truyện*  *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….* |  |  |  | | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP 2 | | | Các yếu tố cần xem xét | **Dấu hiệu nhận biết yếu tố của truyện ngụ ngôn trong Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng** | | Đề tài |  | | Sự kiện, tình huống |  | | Cốt truyện |  | | Nhân vật |  | | Không gian, thời gian |  |   **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **Giao nhiệm vụ học tập** | **Thực hiện nhiệm vụ học tập & báo cáo, thảo luận** | **Kết luận, nhận định** |
| HS hoàn thành phiếu học tập và nộp trước vào nhóm quản lý học tập của lớp | **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  HS nộp bài thông qua hệ thống quản lí học tập của lớp. | - GV theo dõi từ xa, hỏi thăm quá trình làm bài có gì khó khăn để kịp thời hỗ trợ.  - GV xem xét sản phẩm của HS, phát hiện, chọn ra những bài có kết quả khác nhau và những tình huống cần đưa ra trao đổi trong nhóm học tập. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **( Học sinh thực hiện nhiệm vụ trên nhóm quản lý học tập của lớp)** | | |
| **Tìm hiểu** một số yếu tố của truyện ngụ ngôn | | |
| **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật không gian, thời gian.  **b. Nội dung:**  (1) HS hoàn thành phiếu học tập và gửi lên nhóm học tập của lớp.  (2) Đánh giá sản phẩm học tập của bạn trên nhóm học tập của lớp.  **c. Sản phẩm:**  Phiếu học tập.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Giao nhiệm vụ học tập** | **Thực hiện nhiệm vụ học tập & báo cáo, thảo luận** | **Kết luận, nhận định** |
| 1. Hoàn thành phiếu học tập và gửi lên nhóm học tập của lớp.   (2) Đánh giá sản phẩm học tập của bạn trên nhóm học tập của lớp. | **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Cá nhân thực hiện nhiệm vụ (1)  - Sau khi hoàn thành nhiệm vụ (1) cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ (2).  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Nhiệm vụ (1): HS gửi phiếu học tập vào nhóm, HS khác trong tổ trao đổi, bổ sung (nếu có).  - Nhiệm vụ (2): Cá nhân hoàn chỉnh 2 phiếu học tập. | Nhận xét tinh thần trách nhiệm, sản phẩm học tập, kết quả thảo luận của HS trên nhóm học tập của lớp. |
| |  | | --- | | PHIẾU HỌC TẬP 1  *Tóm tắt truyện*  *Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay và bác Tai ghen tị với lão Miệng chỉ ăn mà không làm gì cả nên bàn nhau để mặc lão Miệng, không cho lão ăn gì cả. Sau đó, ba ngày trôi qua cả bọn đã thấy mệt mỏi rã rời, không ai làm nổi việc gì nữa. Đến ngày thứ bảy thì không ai còn chịu nổi. Bác Tai là người nhận ra sai lầm đầu tiên, bèn nói rõ phải trái, rủ cả bọn đến xin lỗi lão Miệng và lại cho lão ăn như xưa. Lão Miệng ăn xong, ai nấy đều khoẻ trở lại. Họ hiểu rằng lão Miệng tuy thế nhưng cũng có công việc của lão, một công việc rất quan trọng, liên quan đến tính mạng của cả bọn. Từ đó, lão Miệng, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay và bác Tai lại sống hoà thuận như xưa.* |  |  |  | | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP 2 | | | Các yếu tố cần xem xét | **Dấu hiệu nhận biết yếu tố của truyện ngụ ngôn trong Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng** | | Đề tài | Mượn chuyện về các bộ phận của con người để đưa ra bài học cho mọi người. | | Sự kiện, tình huống | - Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai nói chuyện về lão Miệng và họ cho rằng lão không làm gì cả chỉ có ăn. Vì vậy, họ đồng lòng phản đối bằng cách bảo nhau không làm gì nữa để lão Miệng không có gì ăn.  - Khi lão Miệng không được ăn thì Mắt, Chân, Tay, Tai cũng mệt mỏi, rã rời. Cuối cùng họ cũng nhận ra sai lầm của mình và sửa chữa ngay lập tức bằng việc đến nhà lão Miệng để giải quyết mọi việc. | | Cốt truyện | Truyện kể về sự so bì giữa các bộ phận trong cơ thể con người. Mắt, Chân, Tay, Tai thấy mình quanh năm “làm việc mệt nhọc còn lão Miệng thì chẳng làm gì cả, chỉ ngồi ăn không”. Vì vậy, họ đồng lòng phản đối bằng cách bảo nhau không làm gì nữa để lão Miệng không có gì ăn. Nhưng Miệng không được ăn thì Mắt, Chân, Tay, Tai cũng mệt mỏi, rã rời. Cuối cùng họ cũng nhận ra công việc quan trọng của Miệng là nhai thức ăn để nuôi sống cơ thể. Thế là họ đến nhà Miệng, vực Miệng dậy, kiếm thức ăn để giúp Miệng dần tình lại. Từ đó, các bộ phận cơ thể người sống hòa thuận với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả. | | Nhân vật | Chân, Tay, Tai, Mắt và Miệng | | Không gian, thời gian | Không gian: trên cơ thể con người | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  - Biết yêu thương bạn bè, người thân.   * Biết ứng xử đúng mực, văn minh.   **b. Nội dung:**  HS thảo luận nhóm  **c. Sản phẩm:**  câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Thảo luận:** Sai lầm trong cách đối xử của các nhân vật Chân, Tay, Tai, Mắt đối với lão Miệng giúp em rút ra bài học gì?  *Gợi ý: Sai lầm trong cách đối xử của các nhân vật Chân, Tay, Tai, Mắt đối với lão Miệng giúp em rút ra bài học rằng trong một tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa vào nhau, gắn bó với nhau để cùng tồn tại; do đó, phải biết hợp tác với nhau và tôn trọng công sức của nhau.* | | |

**\* Hướng dẫn tự học:**



**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

*Thời lượng: 2 tiết*

* 1. **MỤC TIÊU**
     1. ***Năng lực***

**DẤU CHẤM LỬNG**

(Thời lượng: …tiết )

* + - 1. ***Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được các công dụng của dấu chấm lửng.

* + - 1. ***Năng lực chung***
         * *Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; hoàn thành các bài tập trong sgk; tự đánh giá và đánh giá, tranh luận, phản biện qua các hoạt động nhóm.
         * *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: biết lựa chọn nội dung, ngôn từ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp, phát triển khả năng làm việc nhóm.
         * *Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.
    1. ***Phẩm chất:***

Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp và sự phong phú, linh hoạt, uyển chuyển trong cách cách sử dụng từ ngữ, dấu câu trong Tiếng Việt.

* 1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**a. Thiết bị dạy học**

* Máy tính, máy chiếu, SGK, SGV và các tài liệu tham khảo.
* Phiếu học tập.

|  |  |
| --- | --- |
| **Dấu câu** | **Dấu chấm lửng** |
| **ĐỊNH NGHĨA** |  |
| **CÔNG DỤNG** |  |

Bảng kiểm.

**b. Học liệu:**

* 1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề/ hình thành tri thức tiếng Việt** *(... phút)*

* + 1. **Mục tiêu**

Gợi nhắc nội dung phần tri thức tiếng Việt

Tạo hứng khởi cho cho sinh trước khi vào bài mới.

* + 1. **Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV cho hs đọc phần tri thức TV trong sgk tr. 32, 33. (Thực hành ở nhà)

* Gv tổ chức cho hs chơi trò chơi **Ai nhanh hơn**, hs nối dữ liệu ở cột A với đáp án có ở cột B sao cho hợp lí.

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** | **B** |
| **a.** *Hôm nay nó không đi học đâu. Nó bận… bận ngủ.* | **1. Biểu đạt còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp dấu phẩy đứng trước nó.** |
| **b.**  u… ù…ù  Tầm một lượt  (Võ Huy Tâm) | **2. Thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.** |
| **c.** *Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bảo nhau chứ sao lại…*  ( Đào Vũ) | **3. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện bất ngờ của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.** |
| **d.** Chúng ta có quyền tự hào về những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,…  (Hồ Chí Minh) | **4. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.** |
| **e.** Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có (…).  (Hoài Thanh | **5. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.** |
| **Đáp án: a- 3; b- 5; c- 2; d- 1; e- 4** | |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

Hs xem lại phần tri thức tiếng Việt, đọc kĩ bài tập và hoàn thiện trên PHT

**B3: Báo cáo, thảo luận**

Hs trả lời, chia sẻ những điều mình thu nhận được sau khi đọc xong phần tri thức tiếng Việt và chia sẻ với cả lớp. nhận xét, đánh giá phần chia sẻ của bạn

**B4: Kết luận, nhận định**

* Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **Dấu câu** | **Dấu chấm lửng** |
| **ĐỊNH NGHĨA** | **Dấu cấm lửng được kí hiệu bởi dấu ba chấm (…), còn gọi là dấu ba chấm, là một trong những loại dấu câu thường gặp trong văn viết.** |
| **CÔNG DỤNG** | **1. Biểu đạt còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp dấu phẩy đứng trước nó.**  **2. Thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.**  **3. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện bất ngờ của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.**  **4. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.**  **5. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.** |

Gv nhận xét câu trả lời của hs và cho học sinh làm các bài tập trong phần thực hành Tiếng Việt.

**HĐ 2: Luyện tập, vận dụng** *(… phút)*

|  |
| --- |
| **I. BÀI TẬP LUYỆN TẬP** |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Vận dụng tri thức Tiếng Việt để thực hành làm các bài tập trong sgk tr 41, 42, 43  **d. Tổ chức thực hiện** |
| **1. Bài tập 1, 2, 4** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức trò chơi Tiếp sức. Thực hiện chia lớp thành 3 đội, các thành viên đọc kĩ thông tin bài tập và thực hiện dán thông tin lên bảng phụ.  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  **Hs** thực hiện theo nhiệm vụ đã phân công  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện các nhóm sẽ chia sẻ trước lớp sản phẩm của mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và góp ý.  *Thời lượng thực hiện: ... phút*  **B4. Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét phần chia sẻ của học sinh.  **Bài tập 1, 2, 4: vd**   |  |  | | --- | --- | | Dấu chấm lửng | Trường hợp | | 1. Biểu đạt còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp dấu phẩy đứng trước nó. | **1.a; 1.b; 1.d; 2.b;** | | 2. Thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng. | **1.c; 1.e; 2.a**  **4.a** Có con quạ chết đến rũ xương... | | 3. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện bất ngờ của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm. |  | | 4. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt. | **4.a** nó vào chuồng lợn [...] **; 4.b** | | 5. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng. | **1.đ;** |  1. **Bài tập 3, 5**   **Bài tập 3:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | a₁ | a₂ | b₁ | b₂ | | Điểm tương đồng | Nói về sự kiêu ngạo, huênh hoang của chú ếch. | | Nói về sự thật hiển nhiên của bầu trời. | | | Khác biệt | Cách diễn đạt trần thuật liền mạch | Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung châm biếm về sự ảo tưởng của ếch, khi coi mình là “chúa tể”. | Cách diễn đạt trần thuật liền mạch. | Dấu chấm lửng làm giãn nhịp câu văn, tạo nên sự bất ngờ, gây hứng thú cho người đọc về một sự thật hiển nhiên “bầu trời vẫn là bầu trời”. |     GỢI Ý: Em thích cách diễn đạt a₂ và b₂ hơn vì sự xuất hiện của dấu chấm lửng tạo ra được nhịp điệu cho câu văn, gây sự tò mò, hứng thú cho người đọc về sự xuất hiện nội dung phía sau. Và khi nội dung sau dấm chấm lửng xuất hiện tạo ra tiếng cười châm biếm, gây bất ngờ cho người đọc.  **Bài tập 5:**  a. Dấu chấm lửng đầu tiên: biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.  b. Dấu chấm lửng thứ nhất: “cực...cực” Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng của con gà trống.  - Dấu chấm lửng thứ 2: “mặc, mặc,...”: Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng của con vịt.  - Dấu chấm lửng thứ 3: biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.  \*So sánh   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Bài tập 5** | **Bài tập 4** | | **Giống nhau** | Tác dụng của dấu chấm lửng ở cả hai bài đều để biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt. | | | **Khác nhau** | -Lời trích dẫn bị lược bớt ở đây là cả một đoạn văn.  -Dấu chấm lửng được tách thành hẳn một dòng riêng. | -Lời trích dẫn bị lược bớt chỉ là một từ hoặc một câu văn.  -Dấu chấm lửng ở trên cùng một dòng với câu văn. | |

**Những vấn đề cần lưu ý**

.........................................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................................



**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:**

**BIẾT NGƯỜI, BIẾT TA**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu văn bản.

- Liên hệ kết nối với VB Những cái nhìn hạn hẹp, Những tình huống hiểm nghèo để hiểu hơn về chủ điểm Bài học cuộc sống.

-Yêu thương bạn bè, người thân; biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Nội dung dự đoán về nội dung của VB; câu trả lời cho các câu hỏi 1,2,3 trong SGK/tr.41.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Hoạt động 1.1: I/ Chuẩn bị đọc**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu cặp đôi HS đọc tên VB, quan sát nhanh toàn bộ VB và dự đoán:  *1. Em hãy đoán xem văn bản này viết về nội dung gì?*  *2. Nêu hiểu biết của em về thể loại ca dao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe, quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận  - GV quan sát, lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV góp ý cho câu trả lời của HS, khuyến khích HS đưa ra nhiều câu trả lời khác nhau miễn là việc dự đoán dựa trên sự kết hợp giữa cứ liệu của văn bản với kiến thức nền của HS. | - HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân  - Ca dao là lời thơ trữ tình dân gian, thường có sự kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng, được sáng tác nhằm diễn tả thế giới nội tâm của con người.  - Diễn tả đời sống tinh thần, tư tưởng, tình cảm của nhân dân trong các quan hệ đôi lứa, gia đình, quê hương, đất nước… |

**Hoạt động 1.2: II/ Trải nghiệm cùng văn bản, suy ngẫm và phản hồi.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu nhóm 4-6 HS đọc kĩ VB, trả lời các câu hỏi 1,2,3 trong SGK/tr.41.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Nhóm 4-6 HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện 1-2 nhóm HS trả lời lần lượt từng câu hỏi. Các nhóm khác góp ý, bổ sung, trao đổi theo từng câu hỏi.  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - HS biết cách đọc thầm, trả lời được các câu hỏi theo dõi, suy luận:  + Câu 1/SGK.tr41:  \*BPTT: Ẩn dụ  **“châu chấu”, “con sắt”**: chỉ những kẻ yếu  **“xe”, “ông Đùng”**: chỉ những kẻ mạnh  🡪Tăng tính hàm súc cho hình ảnh thơ; tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  \*BPTT: Nói quá  **“Châu chấu đá xe”, “con sắt đập ngã ông Đùng”:** chỉ những con vật nhỏ bé dám chống lại kẻ mạnh.  **“Tưởng rằng … nghiêng”:** kẻ yếu chiến thắng kẻ lớn mạnh.  **“Đắp … tay”:** nhấn mạnh sự to lớn của bàn tay.  🡪Phóng đại tính chất của sự việc nhằm tăng sức biểu cảm, nhấn mạnh vấn đề và gây ấn tượng mạnh cho người đọc.  \*BPTT: Nhân hóa (CD3)  “khoe”: miêu tả hành động của trăng và đèn như của con người..  🡪Tăng tính sinh động, hấp dẫn cho hình ảnh thơ. Đồng thời phê phán những kẻ thích khoe khoang mà không biết khuyết điểm của mình.  + Câu 2: Bài học: Kẻ yếu có thể chiến thắng được kẻ mạnh nếu như họ dám đương đầu. Khi đứng về lẽ phải dù có là kẻ yếu thì vẫn chiến thắng những kẻ mạnh; Không phải cứ lấy số đông là có thể áp đảo được những điều nhỏ bé, yếu đuối; Mỗi người đều có thế mạnh và điểm yếu riêng. Chúng ta không nên tự kiêu, coi thường người khác.  + Câu 3:  ***Điểm giống nhau:*** Truyện ngụ ngôn và những bài ca dao trên đều giàu tính triết lí, các bài học thường được gợi ra từ một tình huống, một sự việc nào đó.  ***Điểm khác nhau:***  Truyện ngụ ngôn dù ngắn gọn vẫn có đầu có cuối, có sự phát triển của sự việc, câu chuyện, thái độ của người nói thường được bộc lộ gián tiếp thông qua việc kể chuyện.  Các VB 1,2 dù có đủ tình huống, sự việc tuy nhiên vẫn bộc lộ thái độ và quan điểm của tác giả. |

|  |  |
| --- | --- |
| **III. LUYỆN TẬP** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Củng cố, vận dụng những kiến thức đã học  **b. Nội dung**  - Gv đưa ra đề bài | |
| **c. Tổ chức thực hiện** | **d. Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đưa ra nhiệm vụ: Mỗi bạn sẽ tự vẽ lại một bức tranh ( đã chuẩn bị sẵn ) với chủ đề “ Những tình huống hiểm nghèo” và đưa ra thông điệp của bức tranh đó.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs chuẩn bị  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS nhận xét  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS. | - Các bức tranh và thông điệp của học sinh. |

|  |  |
| --- | --- |
| **IV. VẬN DỤNG VÀ HƯỚNG DẪN HỌC BÀI Ở NHÀ** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Củng cố, vận dụng những kiến thức đã học để viết đoạn văn hoàn chỉnh.  - Hướng dẫn học sinh tự học bài ở nhà.  **b. Nội dung**  - Gv sử dụng câu hỏi gợi mở, nhắc lại tri thức | |
| **c. Tổ chức thực hiện** | **d. Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn từ 10 đến 12 câu nêu cảm nhận của em sau khi học xong văn bản “Biết người biết ta”.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs suy nghĩ làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS  - Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà.  + Vẽ sơ đồ tư duy về các kiến thức đã học trong bài bản “Biết người biết ta”.  + Đọc và chuẩn bị phần Thực hành Tiếng Việt. | **-** Về hình thức:1 đoạn văn, đúng nội dung yêu cầu  - Nội dung:  + Câu mở đoạn , giới thiệu tên văn bản, tác giả  + Ghi lại những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân  + Chi tiết nào để lại ấn tượng nhất? Vì sao ?  + Kết đoạn |

**HOẠT ĐỘNG VIẾT**

**VIẾT ĐOẠN VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

**1. Năng lực**

- Biết viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.

**2. Phẩm chất:**

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.

**II. KIẾN THỨC**

- Cách viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập dữ liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem và chỉnh sửa rút kinh nghiệm.

- Cách viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Nhân vật, sự kiện nào khiến em có ấn tượng sâu sắc nhất? Em hãy chia sẻ ấn tượng của em về nhân vật, sự kiện đó?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài | - Hs chia sẻ ý kiến |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\*Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được khái niệm, yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *GV yêu cầu HS, dựa vào SGK nêu khái niệm và yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét | **I. Yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử**  - Bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử là kiểu văn bản thuật lại một sự việc có thật nhằm giúp người đọc hiểu về sự việc, qua đó hiểu về nhân vật/ sự kiện lịch sử có liên quan.  - Đảm bảo yêu cầu về hình thức của bài văn.  - Cấu trúc gồm có ba phần:  + Mở bài: giới thiệu sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử.  + Thân bài: thuật lại quá trình diễn biến của sự việc, chỉ ra mối liên quan giữa sự việc với nhân vật/ sự kiện lịch sử; kết hợp kể chuyện với miêu tả.  + Kết bài: khẳng định ý nghĩa của sự việc, nêu cảm nhận của người viết.  - Sự kiến: Sự việc được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử.  - Ngôi kể: Sử dụng ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) thuật lại sự việc theo một trình tự hợp lí.  - Nội dung:  + Sử dụng chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc, nhân vật/ sự kiện.  + Sử dụng yếu tố miêu tả trong bài viết.  + Kết hợp kể chuyện với miêu tả một cách hợp lí, tự nhiên. |

**\*Hoạt động 2: Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích VB mẫu.

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi, phân tích ví dụ

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài mẫu  *Gv phát PHT số 1, học sinh làm nhóm đôi*  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét | **II. Phân tích kiểu văn bản**  Câu 1: Giới thiệu không gian, thời gian diễn ra sự việc “lễ hội tưởng nhớ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực.  Câu 2:  (2a) Giới thiệu nhân vật lịch sử - anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực.  (2b) Kể lại sự việc nhằm gợi nhớ hình ảnh, công trạng của nhân vật lịch sử.  (2c) Kể lại những chiến công của anh hùng Nguyễn Trung Trực.  (2d) Kể về sự việc (các hoạt động trong phần hội), thể hiện tác động của sự việc liên quan đến nhân vật lịch sử đối với người dân.  Câu 3: Người viết đã sử dụng các yếu tố miêu tả khi thuật lại sự kiện.  Câu 4: Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của sự việc, nêu cảm nhận của người viết. |

**\*Hoạt động 3: Hướng dẫn quy trình viết**

**Hoạt động 3.1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:**

- Kích hoạt được kiến thức nền cho HS về quy trình viết;

- Ghi nhớ các bước trong quy trình viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để và PHT để học sinh tìm hiểu về quy trình viết

**c. Sản phẩm học tập:** PHT, câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nhắc lại bốn bước trong quy trình viết một VB.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét | ***1. Chuẩn bị trước khi viết.***  ***2. Tìm ý, lập dàn ý***  ***3. Viết đoạn.***  ***4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*** |

**Hoạt động 3.2: Quy trình viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử**

**a. Mục tiêu:** Ghi nhớ quy trình viết các bước trong bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để và PHT để học sinh tìm hiểu về quy trình viết

**c. Sản phẩm học tập:** Bảng tóm tắt của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Nhóm 4-5 HS thảo luận và điền thông tin vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ. | | | Qui trình viết | Thao tác cần làm | | **Bước 1: *Chuẩn bị trước khi viết.*** |  | |  | |  | | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý** |  | |  | | **Bước 3: Viết bài văn** |  | | **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm** |  |   -GV nhắc nhở HS khi làm việc nhóm cần chủ động đề xuất rõ mục đích hợp tác và nỗ lực đạt được mục đích đó.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét quá trình làm việc nhóm của HS thông qua việc quan sát. | ***1. Chuẩn bị trước khi viết.***  \* Xác định đề tài:  \* Thu thập tư liệu.  ***2. Tìm ý, lập dàn ý***  ***\* Tìm ý:***  - Xác định một số định hướng chung như:  +Mối quan hệ giữa sự việc có thật và nhân vật/ sự kiện lịch sử liên quan qua các tư liệu, bằng chứng;  + Phối hợp sử dụng các loại tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau, sử dụng tranh ảnh về nhân vật hoặc hiện vật liên quan đến sự kiện/ nhân vật; …  +Ghi lại bất cứ ý tưởng nào nảy sinh trong quá trình thu thập tài liệu và tìm ý cho bài viết.  **\* Lập dàn ý:**  ***a. Mở bài:***  -Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại.  -Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan.  ***b. Thân bài:***  \*Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện.  - Câu chuyện, huyền thoại liên quan.  - Dấu tích liên quan.  \*Thuật lại nội dung/ diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử.  - Bắt đầu, diễn biến, kết thúc.  - Sử dụng được một số bằng chứng; kết hợp kể chuyện với miêu tả.  \*Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/ sự kiện lịch sử.  ***c. Kết bài:*** Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc.  ***3. Viết bài.***        Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử  ***4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.***  Dựa vào bảng kiểm để kiểm tra, chỉnh sửa |

**C/ HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ**

**\*Hoạt động 1: Chuẩn bị trước khi viết**

**Hoạt động 1.1: Xác định mục đích, đối tượng và đề tài**

**a. Mục tiêu:** Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài của bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu về mục đích, đối tượng và đề tài

**c. Sản phẩm học tập:** PHT, câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  GV nêu đề bài: *Em hãy viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.* Sau đó, yêu cầu học sinh xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết của mình qua các câu hỏi:  + Mục đích viết bài này là gì?  + Người đọc bài viết này là ai?  + Với mục đích và người đọc đó, nội dung và cách viết sẽ như thế nào?  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét | ***1.1 Chuẩn bị trước khi viết.***  **\* Xác định đề tài:**  - Đề bài yêu cầu bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.  \* Mục đích: Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  \* Đối tượng: người đọc là những người quan tâm đến các sự kiện lịch sử. |

**Hoạt động 1.2: Tìm ý, lập dàn ý và viết bài (có thể thực hiện ở nhà)**

**a. Mục tiêu:** Biết tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu về mục đích, đối tượng và đề tài

**c. Sản phẩm học tập:** PHT, câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  (1) **\*Tìm ý**  *+ Vì sao em có ấn tượng đặc biệt với sự kiện đó*  *+ Không gian và thời gian diễn ra sự việc*  *+ Diễn biến của sự việc*  *+ Các dấu tích, hiện vật có liên quan đến sự kiện, nhân vật*  *+Các nhân chứng, dẫn liệu có thể trích dẫn*  *+ Viết nhanh dưới dạng cụm từ thể hiện những ý tưởng trên.*  **\*Lập dàn ý.**  - Gv phát **PHT số 2** để học sinh lập dàn ý  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  (2) HS sẽ viết bài văn dựa trên dàn ý (thực hiện cá nhân)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Trước tiên, GV nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS trong thời gian viết do GV qui định.  - Ở hoạt động này, GV chưa nên đánh giá, nhận xét công khai trước lớp về sản phẩm bài viết của HS. Việc này nên thực hiện sau khi tổ chức cho HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và tự chỉnh sửa bài viết của mình. | ***1.2. Tìm ý, lập dàn ý***  **\* Tìm ý:**  Hs tìm ý cho bài viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  **\* Lập dàn ý:**  Theo PHT  ***1.3 Viết đoạn*** |

**\*Hoạt động 2: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm**

**Hoạt động 2.1: Xem lại, chỉnh sửa**

**a. Mục tiêu:** Biết cách chỉnh sửa bài viết của bản thân và của các bạn khác trong lớp.

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu về mục đích, đối tượng và đề tài

**c. Sản phẩm học tập:** Phần nhận xét, đánh giá của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Hai HS trao đổi bài viết cho nhau đọc và dựa vào bảng kiểm SGK để đánh giá, nhận xét bài viết của bạn.  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi bài viết cho nhau đọc và dựa vào bảng kiểm SGK  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Một số HS đọc bài viết trước lớp, sau đo các HS khác chia sẻ nhận xét về bài viết của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét trên hai phương diện:  + Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.  + Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS. | -HS báo cáo kết quả nhận xét bài làm của bạn |

**Hoạt động 2.2: Rút kinh nghiệm**

**a. Mục tiêu:** Rút kinh nghiệm khi viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để học sinh rút kinh nghiệm về bài viết.

**c. Sản phẩm học tập:** Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1-2 HS chia sẻ kinh nghiệm mà mình rút ra được.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét, đánh giá, chốt ý. | HS rút ra kinh nghiệm cho bản thân sau khi viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***PHT số 1*** | | |
| *Ngữ liệu* |  | *Câu hỏi* |
| *Tháng 9 vừa qua, trong chuyến hành trình Về nguồn, lớp mình có dịp về thành phố Rạch Giá (Kiên Giang) dự lễ hội tưởng nhớ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực. Đây là lễ hội thường niên, từ ngày 26 đến 28 tháng 8 âm lịch. Trong dịp này, hàng nghìn người từ khắp nơi về viếng đền, tưởng nhớ ông, tham gia các hoạt động văn hóa trong lễ hội.*  *Tôi được biết về những chiến công đánh giặc cứu nước của anh hùng Nguyễn Trung Trực và nghĩa quân qua lời kể của cô giáo dạy Lịch sử. Câu nói nổi tiếng của ông khi bị địch bắt và xử tử: “Bao giờ người miền Tây nhổ hết cỏ lùng thì người miền Nam đánh Tây” khiến tôi háo hức mong chờ chuyến đi này.*  *Khi đứng trước ngôi đền của anh, tôi trào dâng một niềm xúc động và tự hào. Ngôi chùa nằm bên dòng sông hiền hòa ngay sát cửa biển và mát rượi dưới bóng cây bồ đề cổ thụ. Nơi đây là một trong chín ngôi chùa có lịch sử lâu đời và quy mô lớn nhất tỉnh Kiên Giang. Tượng Nguyễn Trung Trực được đúc bằng đồng đặt ở sân đình. Bức tượng mang phong thái bất khuất của người anh hùng. Từ sáng sớm, dòng người đổ về thắp hương, dâng lễ tưởng nhớ tổ tiên. Trên bàn thờ, các lễ vật được bày biện khá đẹp mắt. Những đĩa trái cây, sản vật miệt vườn sông nước được tạo hình rồng phượng, những linh vật mang lại những điều tốt lành. Mùi hương thoang thoảng trong không khí. Các bậc cao niên mặc áo dài khăn đóng đứng hai bên tả, hữu tiến hành nghi lễ theo nhịp trống.*  *Trong không khí trang nghiêm, diễn văn tưởng niệm của Ban tổ chức đã gợi lên hình ảnh người anh hùng Nguyễn Trung Trực thật gần gũi mà anh dũng. Ông tên thật là Nguyễn Văn Lịch, lúc nhỏ còn có tên là Chơn. Ông là con thứ năm trong một gia đình làm nghề chài lưới ở Xóm Vẹm, làng Bình Nhất, phường Tân An, tỉnh Gia Định (nay thuộc ấp 1, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An). Ông vốn tính tình nghiêm túc, ngay thẳng, giàu bản lĩnh và tự trọng nên được mọi người yêu mến, gọi ông là Nguyễn Trung Trực. Là con của một người đánh cá rất giỏi, anh luyện võ từ nhỏ nên có sức khỏe dẻo dai, ý chí kiên cường. Khi Pháp đánh vào Gia Định, ông đã tham gia nghĩa quân và trở thành người đi đầu trong công cuộc đánh giặc cứu nước.*  *Nguyễn Trung Trực và nghĩa quân đã lập nhiều chiến công như đốt cháy chiến thuyền L'Espérance (L'Espérance) của thực dân Pháp ở cửa sông Nhựt Tảo ngày 10-12-1861; tiến công thành công đồn Kiên Giang ngày 16 tháng 6 năm 1868; ... Những trận đánh do ông chỉ huy đã làm quân địch bất ngờ. Chẳng hạn, trận đánh năm 1861, ông đã cho nghĩa quân cải trang thành đám cưới để phục kích, tấn công và đốt cháy chiến thuyền của giặc.*  *Sau phần lễ trọng thể, trang nghiêm là phần hội tưng bừng. Dự hội là dịp để nhân dân địa phương và du khách tưởng niệm người anh hừng, vừa gặp gỡ, giao lưu và thực hành các sinh hoạt văn hóa hay hoạt động thiện nguyện.*  *Nguyễn Trung Trực hy sinh khi mới 30 tuổi. Cuộc đời tuy ngắn ngủi nhưng lòng yêu nước, khí phách anh hùng, tinh thần cương trực, hào sảng của ông là bất diệt. Có lẽ vì vậy mà lễ hội giỗ Tổ hàng năm ở Rạch Giá (Kiên Giang) đã trở thành một trong những lễ hội truyền thống lớn của địa phương, luôn thu hút nhiều lứa tuổi, nhiều tầng lớp nhân dân và du khách tham dự.* |  | *+ Tìm những từ thể hiện cảm xúc cùa người viết về bài thơ.*  *…………………………………………*  *+ Tác giả đoạn văn đã sử dụng ngôi thứ mấy để chia sẻ cảm xúc?*  *…………………………………………*  *+ Những câu nào thuộc về phần mở đoạn? Vì sao em biết?*  *…………………………………………*  *…………………………………………*  *+ Những câu nào thuộc về phần thân đoạn? Phần này trình bày nội dung gì?*  *…………………………………………*  *…………………………………………*  *+ Hãy chỉ ra câu kết của đoạn văn và cho biết nội dung cùa nó.*  *…………………………………………..*  *……………………………………………*  *+ Tìm những từ ngữ được dùng theo kiểu lặp lại hoặc thay thể những từ ngữ tương đương ở những câu trước đó. Nêu tác dụng của* những từ ngữ đó?  …………………………………  ………………………………… |
| *Lưu ý: Các con có thể kết hợp giữa việc ghi chú vào ngữ liệu và viết vào chỗ….* | | |

**PHT số 2: Dàn ý viết bài văn**

Sự việc: ……………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………..

Lí do: ………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………………………………

Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Bằng chứng ………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………….

Thuật lại nội dung/ diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử.…………………………………………………………

Ý nghĩa: .…………………………………………………………

Khẳng định ý nghĩa của sự việc:……………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………………………….

Nêu cảm nhận của người viết về sự việc…………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………….

**PHT số 2: Dàn ý viết đoạn văn**

**Bảng kiểm**

**Bảng kiểm**

****

**C. NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN**

**SỬ DỤNG VÀ THƯỞNG THỨC NHỮNG CÁCH NÓI THÚ VỊ, HÀI HƯỚC TRONG KHI NÓI VÀ NGHE**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Kể lại được truyện ngụ ngôn.

- Biết vận dụng và thưởng thức những cách nói thú vị trong khi nói và nghe.

**2. Về năng lực**

**\* Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**\* Năng lực đặc thù**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Về phẩm chất**

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, bảng, phấn, bút lông.

- SGK, SGV.

- Đồ vật minh hoạ, đoạn video clip, tranh ảnh,... (nếu cần).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

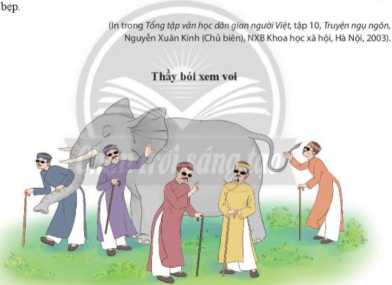
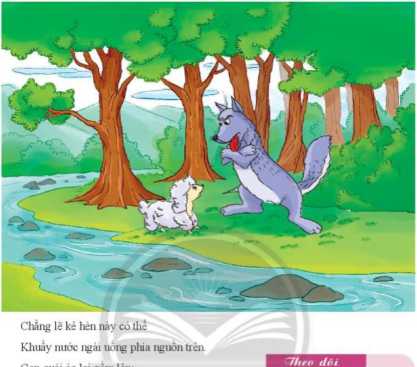
**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**2. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**3. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**



B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV cho HS quan sát hình ảnh và đặt câu hỏi gợi mở vấn đề:

*Em đã từng kể lại chuyện ngụ ngôn cho người khác nghe chưa? Người nghe em kể là ai? Em đã kể chuyện đó theo cách thức như thế nào? Em nhận thấy người nghe có hiểu, có thích thú không?*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Hs suy nghĩ

B3: Báo cáo, thảo luận

Hs chia sẻ, trả lời các câu hỏi

B4: Kết luận, nhận định (GV):

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Truyện ngụ ngôn luôn là thế giới đầy hấp dẫn với những câu chuyện đầy màu sắc, lung linh và huyền ảo. Vậy làm thế nào để chúng ta kể được câu chuyện đúng và hấp dẫn.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (114’)**

**Nhiệm vụ 1: Nói và nghe kể lại một truyện ngụ ngôn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI (15’)** | |
| **Mục tiêu:** - Trình bày được các yêu cầu của bài kể về một truyện ngụ ngôn..  Xác định được đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.  Lập được dàn ý cho bài kể lại một truyện ngụ ngôn.  **Nội dung:** HS trả lời câu hỏi để xác định yêu cầu,  HS trả lời câu hỏi để xác định được đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  - Bài văn kể lại một truyện ngụ ngôn cần đảm bảo những yêu cầu gì?  – Khi luyện tập và trình bày bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn, em cần lưu ý điều gì?  – Em cần làm gì để bài nói của mình hấp dẫn, thu hút người nghe?  Trong bài học này, em sẽ thực hiện hoạt động nói và nghe gì?  *- Bài nói này nhằm mục đích gì?*  *- Người nghe có thể là ai*  *- Em sẽ trình bày bài nói ở đâu? Trong thời gian bao lâu?*  GV yêu cầu HS:   * Trình bày các bước xây dựng bài nói. * Lập dàn ý cho bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn. * Kiểm tra dàn ý bài nói để đáp ứng yêu cầu:   - Câu chuyện cần có đủ 3 phần: giới thiệu, nội dung và kết thúc; được kể từ ngôi thứ nhất.  – Câu chuyện giới thiệu rõ ràng (các) nhân vật, không gian, thời gian xảy ra; các sự việc được kể theo trình tự hợp lí; thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình đối với những sự việc, con người trong câu chuyện.  - Trình bày suy nghĩ, bài học rút ra từ câu chuyện.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  Cá nhân HS suy nghĩ câu trả lời.  B3: Báo cáo, thảo luận  - Đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi về yêu cầu của bài văn kể lại một truyện ngụ ngôn.  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét câu trả lời của HS về yêu cầu của bài kể lại một truyện ngụ ngôn.  - GV nhận xét và nhắc lạị các bước xây dựng bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn. | ***I.* Nói và nghe**  ***1.* Yêu cầu chung**  - Dùng ngôi thứ nhất để kể.  - Sử dụng một trong những cách sau để bài nói thêm hấp dẫn:  + Sử dụng hình ảnh: vẽ bức tranh liên quan đến câu chuyện hoặc tóm tắt truyện bằng sơ đồ tư duy...  + Sử dụng âm thanh: dùng nhạc nền hoặc video clip minh hoạ cho bài nói.  + Sử dụng đồ vật, mô hình: cầm một đồ vật hoặc mô hình liên quan đến nội dung câu chuyện của em trong khi kể.  **2. Các bước tiến hành** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI (45’)** | |
| **Mục tiêu:**  Kể lại được một truyện ngụ ngôn.  **Nội dung:** Bài làm củaHS. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  GV yêu cầu HS:  - Trước tiên, luyện tập trong nhóm kể lại một truyện ngụ ngôn.  - Sau đó, cá nhân HS kể lại truyện ngụ ngôn trước lớp.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS luyện tập theo nhóm kể lại một truyện ngụ ngôn.  B3: Báo cáo, thảo luận  - 2 – 3 HS kể lại một truyện ngụ ngôn.  - Các HS khác lắng nghe và ghi chép, nêu câu hỏi (nếu có).  B4: Kết luận, nhận định  GV nhận xét ngắn gọn phần trình bày của các HS và đề nghị HS chuẩn bị cho hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm.  Lưu ý: Ở hoạt động này, GV chỉ nhận xét khái quát, ngắn gọn về mức độ và thái độ thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, còn các nhận xét, đánh giá chi tiết về từng bài trình bày của HS thì GV sẽ thực hiện sau khi HS thực hiện việc trao đổi, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. | **3. Trình bày bài nói** |

|  |  |
| --- | --- |
| **SAU KHI NÓI (20’)** | |
| **Mục tiêu:** – Tự đánh giá được với tư cách người nói và đánh giá được bài nói của bạn với tư cách người nghe; rút ra được kinh nghiệm cho bản thân.  – Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.  **Nội dung:** Câu trả lời củaHS: Tự đánh giá và rút kinh nghiệm về bài của mình và của bạn. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  (1) Trước tiên, GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và dùng bảng kiểm để tự đánh giá kĩ năng kể lại truyện ngụ ngôn (đối với những HS trình bày bài nói).  (2) Sau đó, GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm và dùng bằng kiểm đánh giá kĩ năng kể lại truyện ngụ ngôn của bạn với tư cách người nghe.  (3) Cuối cùng, GV yêu cầu tất cả HS suy ngẫm và rút kinh nghiệm từ hoạt động kể lại một truyện ngụ ngôn vừa thực hiện.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự: (1) > (2) – (3)  B3: Báo cáo, thảo luận  - Đối với nhiệm vụ (2), đại diện 2 – 3 HS trình bày kết quả nhận xét, đánh giá bài nói của bạn. HS được nhận xét có quyền trao đổi, giải thích thêm hoặc nếu thắc mắc cần được giải đáp với người nhận xét nếu muốn, cần đảm bảo cuộc trao đổi diễn ra nhã nhặn, lịch sự, tôn trọng nhau.  – Đối với nhiệm vụ (3), 1 – 2 HS trình bày kinh nghiệm rút ra được từ việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS trên ba phương diện:  + Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về cách kế lại một truyện ngụ ngôn của HS.  + Cách nhận xét, đánh giá kĩ năng kể lại một truyện ngụ ngôn của HS: HS đã biết sử dụng những tiêu chí trong bảng kiểm để nhận xét, đánh giá chưa? HS có nhận ra những ưu điểm, những điểm cần khắc phục trong bài nói của bản thân và của các bạn hay không?...  + Cách HS lắng nghe và phản hồi với nhận xét, đánh giá của các HS khác trong lớp.  – GV giải đáp những gì HS thắc mắc (nếu có). | **4. Trao đổi về bài nói** |

**Nhiệm vụ 2: Sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị trong khi nói và nghe**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỬ DỤNG VÀ THƯỞNG THỨC NHỮNG CÁCH NÓI THÚ VỊ, HÀI HƯỚC TRONG KHI NÓI VÀ NGHE** | |
| **Mục tiêu:** biết sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước trong khi nói và nghe.  **Nội dung:** Tìm hiểu các cách nói thú vị, hài hước | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  Gv yêu cầu học sinh đọc nội dung SGK . Từ đó hãy trình bày các cách nói thú vị, hài hước trong khi nói và nghe?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  Hs đọc, suy nghĩ  B3: Báo cáo, thảo luận  Hs trả lời câu hỏi  B4: Kết luận, nhận định  Gv nhận xét, kết luận các cách nói thú vị trong khi nói và nghe. | **II. Sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị trong khi nói và nghe**  - Nhấn mạnh tính hài hước trong câu chuyện  - Sử dụng hình thức chế, nhại  - Sử dụng cách chơi chữ, nói quá, so sánh |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a) Mục tiêu**

Củng cố lại kiến thức đã học.

**b) Nội dung**

Học sinh chơi trò chơi

**c) Sản phẩm**

Câu trả lời của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv giới thiệu trò chơi, hướng dẫn luật chơi

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh chọn câu hỏi, chơi

B3: Báo cáo, thảo luận

Học sinh trả lời

B4: Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét, đánh giá

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ nói và nghe.

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập

**b) Nội dung**

Chọn một truyện ngụ ngôn rồi đóng kịch (phân vai).

**c) Sản phẩm:** Phần trình bày của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Mỗi tổ là một đội (4 đội)

Chọn một truyện ngụ ngôn rồi đóng kịch (phân vai).

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện

B3: Báo cáo, thảo luận

Học sinh đóng kịch

B4: Kết luận, nhận định

HS dùng rubric để nhận xét lẫn nhau.

- GV nhận xét thái độ thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và sản phẩm của HS.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶**

**ÔN TẬP**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tp của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *Vòng quay may mắn*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Câu 1: Văn bản “Ếch ngồi đáy giếng” thuộc thể loại gì?*  *Câu 2: Sự đối lập giữa hai nhân vật chó sói và chiên con cho chúng ta suy nghĩ gì?*  *Câu 3: Tác gỉa của vản bản “Hai người bạn đồng hành và con gấu” là ai?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài | - HS trả lời các câu hỏi |

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- So sánh được các bài trong cùng chủ đề

- Nêu ra được bài học và cách ứng xử cá nhân sau khi học xong các văn bản và bài đã học.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Giao nhiệm vụ học tập:**

GV yêu cầu HS trả lời miệng các bài tập trong SGK. Các học sinh khác lắng nghe nhận xét, bổ sung, trao đổi.

**\*Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

**\*Báo cáo, thảo luận:**

4-5 HS trả lời miệng các bài tập.

**\*Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét và hướng dẫn HS kết luận theo các định hướng tham khảo trong SGV/tr.66-67, gợi ý như sau:

**Câu 1:** GV hướng dẫn HS dựa vào Tri thức Ngữ văn và những gì đã học được để trả lời ngắn gọn:

Dựa vào đâu để em khẳng định rằng: Ếch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi (VB 1, 2: Những cái nhìn hạn hẹp), Hai người bạn đồng hành và con gấu, Chó sói và chiên con (VB 3, 4: Những tình huống hiểm nghèo) đều là truyện ngụ ngôn?

Các văn bản nhân hóa loài vật hay con người để nói về một triết lý, phê phán thói hư tật xấu, nêu lên những kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn cuộc sống để khuyên nhủ, răn dạy con người.

**Câu 2:** Hậu quả của cái nhìn hạn hẹp của con ếch và các ông thầy bói mù và bài học chung có thể rút ra từ hai truyện *Ếch ngồi đáy giếng* và *Thầy bói xem voi*: Sự trả giá bằng sinh mạng hoặc thương vong do mâu thuẫn xô xát, đánh nhau. Bài học về nhận thức bản thân, nhận thức thế giới và các sự vật, nắm bắt lẽ phải trong các tình huống của đời sống.

**Câu 3:** Trong những tình huống hiểm nghèo, hai “người bạn” trong truyện Hai người bạn đồng hành và con gấu; “chó sói” trong Chó sói và chiến con đã bộc lộ đặc điểm, tính cách của họ như thế nào? Các truyện này đã để lại trong em những ấn tượng gì thật sự khó quên?

*Hai người bạn đồng hành và con gấu:*

Tính cách người bỏ rơi bạn chạy tháo thân; ích kỉ, không đáng tin, tò mò,...; tính cách người bị bỏ rơi: hóm hỉnh.

Ấn tượng: về sự may mắn, về sự ích kỉ, về sự hóm hĩnh, về câu nói.

*Chó sói và chiên con:*

Xem lại bài học VB 3, 4.

Ấn tượng về một chú chiên con đáng thương; một gã chó sói tàn bạo bất chấp lẽ phải.

**Câu 4.**

a. HS dựa vào tri thức về kiểu bài SGK để trả lời những lưu ý khi viết một bài văn kể lại một sự việc liên quan đến nhân vật sự kiện lịch sử,

b. HS dựa vào bài viết của mình tìm câu văn phù hợp và thực hiện yêu cầu của câu hỏi (Tìm trong bài văn em mới viết một vài đoạn văn, câu văn mà theo em là nên dùng đấu chấm lừng, chỉnh sửa và đặt dấu chấm lưng sao cho phù hợp).

**Câu 5.** Lưu ý chuẩn bị và trình bày bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn:

a. Kể chuyện ngắn gọn hài hước giúp làm nổi bật bài học.

b. Vận dụng một số kĩ thuật và thường xuyên luyện tập để có thể sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm trong khi nói và nghe.

**Câu 6.** HS dựa vào tri thức tiếng Việt và những gì đã thực hành để trả lời câu hỏi về đặc điểm chức năng của dấu chấm lửng và cách sử dụng loại dấu câu này trong khi viết văn.

**Câu 7.** Về thu hoạch được rút ra từ các tình huống, câu chuyện, nhân vật trong truyện ngụ ngôn.

Sau khi HS trả lời về thu hoạch của mình. GV có thể gợi mở thêm:

* Đời sống có nhiều tình huống có nguy cơ dẫn đến sai lầm trong nhận thức, hành động, ứng xử; cần tỉnh táo cảnh giác để tránh sai lầm.
* Mỗi câu chuyện trong truyện ngụ ngôn hay lời khuyên trong ca dao tục ngữ, gắn với tình huống đều hàm chứa một bài học, khi đọc truyện, đọc VB cần nhận ra bài học ấy.
* Nhân vật trong truyện ngụ ngôn, khác với nhân vật loài vật trong truyện đồng thoại, thường là hiện thân của các ngộ nhận, hành động sai lầm mà người đọc cần tránh.

Ngoài các nội dung trên, trong tiết ôn tập này, GV cũng cần lưu ý nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện yêu cầu đọc mở rộng VB thông tin ở nhà của HS.

🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶